**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẮC NINH**

 TRƯỜNG THPT NGUYỄN DU

#

# MA TRẬN ĐỀ ÔN TẬP THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2023

# MÔN: ĐỊA LÍ

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỦ ĐỀ** | **MỨC ĐỘ NHẬN THỨC** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Tổng** |
| **Địa lí tự nhiên** | Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ |  | 1 |  |  | 4 |
| Đặc điểm chung của tự nhiên VN |  |  |  | 1 |
| Vấn đề sử dụng và bảo vệ tự nhiên | 2 |  |  |  |
| **Địa lí dân cư** |  |  | 2 |  |  | 2 |
| **Địa lí ngành kinh tế** | Chuyển dịch cơ cấu kinh tế |  | 1 |  |  | 7 |
| Một số vấn đề phát triển và phân bố nông nghiệp |  | 2 |  |  |
| Một số vấn đề phát triển và phân bố công nghiaệp | 2 |  |  |  |
| Một số vấn đề phát triển và phân bố dịch vụ |  | 1 | 1 |  |
| **Địa lí vùng kinh tế** | Trung du và miền núi Bắc Bộ |  |  |  | 1 | 8 |
| Đồng bằng sông Hồng |  |  | 1 |  |
| Bắc Trung Bộ |  |  |  | 1 |
| DH Nam Trung Bộ |  |  | 1 |  |
| Tây Nguyên |  |  | 1 |  |
| Đông Nam Bộ | 1 |  |  |  |
| Đồng bằng sông Cửu Long |  |  | 1 |  |
| Vấn đề phát triển kinh tế, ANQP ở Biển Đông và các đảo, quần đảo |  | 1 |  |  |
| **Kĩ năng**  | Atlat | 15 |  |  |  | 15 |
| Biểu đồ |  | 1 | 1 |  | 2 |
| Bảng số liệu |  | 1 |  | 1 | 2 |
|  |  |  |  |  |  |
| **Tổng số**  |  | **20** | **10** | **6** | **4** | **40** |
| ***Tỉ lệ %*** |  | *50* | *25* | *15* | *10* | *100* |

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****BẮC NINH****¯¯¯¯¯¯¯¯¯** | **ĐỀ ÔN TẬP SỐ …****KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2023****Môn: Địa lí****Thời gian làm bài: 50 phút****¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯¯** |

**\* Giáo viên ra đề:** Bùi Thị Hà

**Đơn vị công tác:** Trường THPT Nguyễn Du

**\* Giáo viên thẩm định:** Phạm Huyền Trang

**Đơn vị công tác:** PTLC Luơng Thế Vinh

**Câu 41:** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG ĐẬU TƯƠNG CỦA CAM-PU-CHIA VÀ THÁI LAN, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

*(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2017** | **2019** | **2020** |
| Cam-pu-chia | 104,2 | 95,0 | 30,0 | 31,0 |
| Thái Lan | 57,7 | 41,2 | 35,5 | 27,2 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2021, https://www.aseanstats.org)*

Theo bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng với sự thay đổi sản lượng đậu tương năm 2020 so với năm 2015 của Cam-pu-chia và Thái Lan?

**A.** Cam-pu-chia giảm chậm hơn Thái Lan. **B.** Thái Lan giảm chậm hơn Cam-pu-chia.

**C.** Cam-pu-chia giảm ít hơn Thái Lan. **D.** Thái Lan giảm, Cam-pu-chia tăng.

**Câu 42:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết gió tháng 1 tại trạm Đồng Hới chủ yếu thổi theo hướng nào sau đây?

 **A.** Đông bắc. **B.** Tây bắc. **C.** Tây nam. **D.** Bắc.

**Câu 43:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biếttrung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô rất lớn?

 **A.** Nam Định. **B.** Hạ Long. **C.** Hải Dương. **D.** Hà Nội.

**Câu 44:** Nước mắm là sản phẩm của ngành công nghiệp chế biến sản phẩm

 **A.** thủy, hải sản. **B.** chăn nuôi. **C.** trồng trọt. **D.** năng lượng.

**Câu 45:** Cho biểu đồ:



GDP CỦA IN-ĐÔ-NÊ-XI-A VÀ MA-LAI-XI-A NĂM 2015 VÀ 2020

*(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2021, https://www.aseanstats.org)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi GDP năm 2020 so với năm 2015 của In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a?

**A.** Ma-lai-xi-a tăng nhiều hơn In-đô-nê-xi-a. **B.** In-đô-nê-xi-a tăng nhanh hơn Ma-lai-xi-a.

**C.** Ma-lai-xi-a tăng và In-đô-nê-xi-a giảm. **D.** Ma-lai-xi-a tăng gấp hơn 5 lần In-đô-nê-xi-a.

**Câu 46:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Cửu Long?

 **A.** Thủ Dầu Một. **B.** Mỹ Tho. **C.** Biên Hòa. **D.** Vũng Tàu.

**Câu 47:** Căn cứ vào Atlat Địa Lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có cơ cấu ngành đa dạng nhất?

 **A.** Mỹ Tho. **B.** Sóc Trăng. **C.** Biên Hoà. **D.** Tân An.

**Câu 48:** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây chảy theo hướng vòng cung?

 **A.** Sông Lục Nam. **B.** Sông Đà. **C.** Sông Hồng. **D.** Sông Gianh.

**Câu 49:** Cơ cấu công nghiệp theo ngành của nước ta hiện nay

 **A.** giảm tỉ trọng công nghiệp chế biến. **B.** số lượng ngành còn kém đa dạng.

 **C.** ưu tiên các sản phẩm cạnh tranh thấp. **D.** nổi lên một số ngành trọng điểm.

**Câu 50:** Hoạt động khai thác dầu khí ở Đông Nam Bộ hiện nay được tiến hành tại

 **A.** các đảo. **B.** các quần đảo. **C.** thềm lục địa. **D.** bờ biển.

**Câu 51:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết cảng biển Cam Ranh thuộc tỉnh nào sauđây ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

 **A.** Bình Định. **B.** Phú Yên. **C.** Quảng Nam. **D.** Khánh Hoà.

**Câu 52:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cảng biển nào sau đây nằm ở phía nam cảng Nhật Lệ?

 **A.** Thuận An. **B.** Cửa Lò. **C.** Cửa Gianh. **D.** Vũng Áng.

**Câu 53:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết quốc lộ số 8 đi qua cửa khẩu nào sau đây?

 **A.** Cha Lo. **B.** Cầu Treo. **C.** Nậm Cắn. **D.** Tây Trang.

**Câu 54:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết điểm du lịch nào sau đây nằm ở độ cao 50 - 500m?

 **A.** Hoàng Liên. **B.** Sa Pa. **C.** Cát Tiên. **D.** Cát Bà.

**Câu 55:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng đồng bằng sông Hồng, cho biết nước khoáng Kênh Gà thuộc tỉnh nào sau đây?

 **A.** Hà Nam. **B.** Hoà Bình. **C.** Ninh Bình. **D.** Nam Định.

**Câu 56:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết ngành công nghiệp cơ khí có ở trung tâm nào sau đây?

 **A.** Cẩm Phả. **B.** Nha Trang. **C.** Sóc Trăng. **D.** Phan Thiết.

**Câu 57:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây thuộc tỉnh Phú Yên?

 **A.** Nha Trang. **B.** Gia Nghĩa. **C.** Quy Nhơn. **D.** Tuy Hòa.

**Câu 58:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trong Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây của nước ta có vĩ độ cao nhất?

 **A.** Hà Giang. **B.** Khánh Hòa **C.** Điện Biên **D.** Cà Mau.

**Câu 59:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết khu vực nào cao nhất trên lát cắt C - D?

 **A.** Cao nguyên Mộc Châu. **B.** Núi Phu Pha Phong

 **C.** Núi Phu Luông. **D.** Núi Phanxipang.

**Câu 60:** Loại rừng có vai trò quan trọng nhất trong việc bảo vệ đất của vùng đồi núi là

 **A.** rừng ven biển. **B.** rừng đầu nguồn. **C.** rừng ngập mặn. **D.** rừng sản xuất.

**Câu 61:** Vùng nào sau đây chịu ngập úng nghiêm trọng nhất nước ta?

 **A.** Đồng bằng sông Cửu Long. **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

 **C.** Đồng bằng sông Hồng. **D.** Bắc Trung Bộ.

**Câu 62:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trangNông nghiệp, cho biết cây bông được trồng nhiều ở tỉnh nào sau đây?

 **A.** Quảng Bình. **B.** Bình Thuận. **C.** Phú Thọ. **D.** Phú Yên.

**Câu 63:** Chăn nuôi của nước ta hiện nay

 **A.** đã đem lại hiệu quả sản xuất rất cao. **B.** hoàn toàn dùng thức ăn từ tự nhiên.

 **C.** tạo ra được các sản phẩm hàng hóa. **D.** chỉ phát triển ở khu vực đồng bằng.

**Câu 64:** Hoạt động nuôi trồng thủy sản của nước ta hiện nay

 **A.** chưa đa dạng về đối tượng nuôi trồng. **B.** chịu sự chi phối của nhân tố thị trường.

 **C.** sản lượng nuôi trồng ngày càng giảm. **D.** các vùng nước ngọt chủ yếu nuôi tôm.

**Câu 65:** Sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu kinh tế nước ta hiện nay theo xu hướng

 **A.** giảm chế biến, tăng việc khai khoáng. **B.** giảm chăn nuôi, tăng ngành trồng trọt.

 **C.** tăng công nghiệp, giảm nông nghiệp. **D.** tăng ngành dịch vụ, giảm công nghiệp.

**Câu 66:** Lao động nước ta hiện nay

 **A.** có số lượng đông, tăng chậm. **B.** hầu hết đều hoạt động dịch vụ.

 **C.** tập trung chủ yếu ở nông thôn. **D.** tăng rất nhanh, có trình độ cao.

**Câu 67:** Các đảo ven bờ nước ta

 **A.** đều là nơi có các vườn quốc gia. **B.** trồng rất nhiều cây công nghiệp.

 **C.** có tiềm năng phát triển du lịch. **D.** đều tập trung khai thác dầu mỏ.

**Câu 68:** Đất liền nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc nên có

 **A.** số giờ nắng nhiều.  **B.** nhiều sông ngòi nhỏ.

 **C.** nhiều loại thổ nhưỡng. **D.** khoáng sản đa dạng.

**Câu 69:** Đô thị hóa ở nước ta hiện nay

 **A.** tỉ lệ dân thành thị tăng nhanh. **B.** cơ sở hạ tầng đô thị hiện đại.

 **C.** đô thị đều có quy mô rấtlớn. **D.** có nhiều loại đô thị khác nhau.

**Câu 70:** Mạng lưới đường ô tô nước ta hiện nay

 **A.** hầu hết đi theo hướng đông-tây. **B.** đã nối liền các đảo lớn với nhau.

 **C.** đã hội nhập các tuyến xuyên Á. **D.** phân bố đồng đều giữa các vùng.

**Câu 71:** Ý nghĩa chủ yếu của việc sản xuất cây công nghiệp theo vùng chuyên canh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ nước ta là

 **A.** phân bố lại sản xuất, tạo ra việc làm, đa dạng hóa kinh tế nông thôn.

 **B.** gắn với công nghiệp, sử dụng tốt hơn lao động, tăng hiệu quả kinh tế.

 **C.** tăng nông sản, nâng cao vị thế của vùng, thay đổi cách thức sản xuất.

 **D.** tăng xuất khẩu, phát huy thế mạnh, phát triển nông nghiệp hàng hóa.

**Câu 72:** Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của nước ta hiện nay tăng nhanh chủ yếu do

**A.** kinh tế phát triển, chất lượng cuộc sống được nâng lên.

**B.** sự ra đời của nhiều trung tâm thương mại, siêu thị lớn.

**C.** hình thức bán hàng và cung cấpc ác dịch vụ rất đa dạng.

**D.** nhu cầu mua sắm, vui chơi của người dân ngày càng cao.

**Câu 73:** Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào về về xuất khẩu của Việt Nam, Ma-lai-xi-a giai đoạn 2015 - 2021?

 **A.** Sự chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam, Ma-lai-xi-a.

 **B.** Cơ cấu giá trị xuất khẩu của Việt Nam, Ma-lai-xi-a.

 **C.** Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam, Ma-lai-xi-a.

 **D.** Quy mô giá trị xuất khẩu của Việt Nam, Ma-lai-xi-a.

**Câu 74:** Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh chế biến sản phẩm cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

**A.** thu hút dân cư từ các vùng khác, tạo ra nhiều việclàm.

**B.** tăng chất lượng nông sản, mở rộng thị trường xuấtkhẩu.

**C.** tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa, nâng cao giá trị kinh tế.

**D.** vị đa dạng hóa cơ cấu nông nghiệp, tạo sức hút với đầu tư.

**Câu 75:** Ý nghĩa chủ yếu của các cảng nước sâu ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

 **A.** thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế.

 **B.** góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu ngành.

 **C.** tạo việc làm, thay đổi bộ mặt vùng ven biển.

 **D.** tăng vận chuyển, tiền đề tạo khu công nghiệp.

**Câu 76:** Khó khăn chủ yếu trong nuôi trồng thủy sản nước ngọt ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay là

 **A.** lũ lụt kéo dài, bão hoạt động mạnh, thiếu lao động có tay nghề.

 **B.** thiếu nước trong mùa khô, lũ lụt kéo dài, giống năng suất thấp.

 **C.** diện tích mặt nước giảm, hạn hán kéo dài, thiếu cơ sở chế biến.

 **D.** xâm nhập mặn vào mùa khô, thị trường biến động, dịch bệnh.

**Câu 77:** Hướng chủ yếu trong chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

 **A.** phát triển các sản phẩm cao cấp, tăng cường đầu tư theo chiều sâu.

 **B.** thu hút mạnh vốn đầu tư, xây dựng thêm các khu công nghệ cao.

 **C.** tập trung đào tạo đội ngũ quản lí, quy hoạch các thành phố vệ tinh.

 **D.** khai thác hiệu quả nguồn lực, phát triển công nghiệp trọng điểm.

**Câu 78:** Biện pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả ngành trồng trọt ở các đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ là

 **A.** đẩy mạnh cơ giới hóa sản xuất, tăng vụ, hình thành vùng chuyên canh lúa.

 **B.** tập trung thâm canh cây công nghiệp, tăng vụ, chủ động phòng chống bão.

 **C.** tăng cường thủy lợi, bảo vệ rừng phòng hộ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

 **D.** đẩy mạnh thâm canh lúa, sử dụng giống mới, chủ động phòng chống bão.

**Câu 79:** Khí hậu của Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ khác với miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ chủ yếu do tác động của

 **A.** vị trí ở nội chí tuyến, địa hình đồi núi, gió mùa Đông Bắc và gió Tây.

 **B.** hoàn lưu khí quyển, vị trí nằm gần đường chí tuyến Bắc, địa hình núi.

 **C.** địa hình có núi cao, vị trí ở khu vực gió mùa, Tín phong bán cầu Bắc.

 **D.** núi cao, gió mùa Tây Nam và dải hội tụ nhiệt đới, vị trí ở xa xích đạo.

**Câu 80:** Cho bảng số liệu sau:

SẢN LƯỢNG LÚA CỦA NƯỚC TA, NĂM 2015 VÀ 2021

*(Đơn vị: nghìn tấn)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tổng số** | **Lúa đông xuân** | **Lúa hè thu và thu đông** | **Lúa mùa** |
| 2015 | 45091,0 | 21091,7 | 15341,3 | 8658,0 |
| 2021 | 43852,6 | 20628,8 | 15163,5 | 8060,3 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB thống kê 2021)*

Căn cứ bảng số liệu, để thể hiện qui mô và cơ cấu sản lượng lúa của nước ta năm 2015 và 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

 **A.** Cột. **B.** Tròn. **C.** Miền.  **D.** Đường.

**----------HẾT----------**

- *Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam.*

- *Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm*.

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẮC NINH**

 TRƯỜNG THPT NGUYỄN DU

**ĐÁP ÁN ĐỀ ÔN TẬP THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2022 - 2023**

**MÔN: ĐỊA LÍ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CÂU** | **41** | **42** | **43** | **44** | **45** | **46** | **47** | **48** | **49** | **50** |
| **ĐÁP ÁN** | B | B | D | A | B | B | C | A | D | C |
| **CÂU** | **51** | **52**  | **53** | **54** | **55** | **56** | **57** | **58** | **59** | **60** |
| **ĐÁP ÁN** | D | A | B | C | C | B | D | A | D | B |
| **CÂU** | **61** | **62**  | **63** | **64** | **65** | **66** | **67** | **68** | **69** | **70** |
| **ĐÁP ÁN** | C | B | C | B | C | C | C | A | D | C |
| **CÂU** | **71** | **72**  | **73** | **74** | **75** | **76** | **77** | **78** | **79** | **80** |
| **ĐÁP ÁN** | D | A | D | C | D | D | D | C | B | B |

**LỜI GIẢI CHI TIẾT CÁC CÂU VẬN DỤNG VÀ VẬN DỤNG CAO**

**Câu 71.** Ý nghĩa chủ yếu của việc sản xuất cây công nghiệp theo vùng chuyên canh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ nước ta là

 **A.** phân bố lại sản xuất, tạo ra việc làm, đa dạng hóa kinh tế nông thôn.

 **B.** gắn với công nghiệp, sử dụng tốt hơn lao động, tăng hiệu quả kinh tế.

 **C.** tăng nông sản, nâng cao vị thế của vùng, thay đổi cách thức sản xuất.

 **D.** tăng xuất khẩu, phát huy thế mạnh, phát triển nông nghiệp hàng hóa.

*Chọn D vì: hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp ở Trung du miền núi Bắc Bộ góp phần phát huy hết thế mạnh về đất, khí hậu để tạo ra các sản phẩm hàng hoá, xuất khầu.*

**Câu 72:** Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của nước ta hiện nay tăng nhanh chủ yếu do

**A.** kinh tế phát triển, chất lượng cuộc sống được nâng lên.

**B.** sự ra đời của nhiều trung tâm thương mại, siêu thị lớn.

**C.** hình thức bán hàng và cung cấpc ác dịch vụ rất đa dạng.

**D.** nhu cầu mua sắm, vui chơi của người dân ngày càng cao.

*Chọn A vì: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng là tiêu chí đánh giá sự phát triển của ngành nội thương ( trao đổi hàng hoá trong nước ) phát triển khi kinh tế phát triển, chất lượng cuộc sống được nâng lên.*

**Câu 73:** *Chọn D vì đây là biểu đồ đường tuyệt đối các đáp án có từ cơ cấu ( biểu đồ tròn, miền ) không chọn, đáp án có từ tốc độ tăng trưởng ( biều đồ đường tương đối ) không chọn*

**Câu 74:** Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh chế biến sản phẩm cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

**A.** thu hút dân cư từ các vùng khác, tạo ra nhiều việclàm.

**B.** tăng chất lượng nông sản, mở rộng thị trường xuấtkhẩu.

**C.** tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa, nâng cao giá trị kinh tế.

**D.** vị đa dạng hóa cơ cấu nông nghiệp, tạo sức hút với đầu tư.

*Chọn C vì: việc phát triển ngành công nghiệp chế biến góp phần nâng cao chất lượng của sản phẩm, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hoá từ đó nâng cao giá trị kinh tế*

**Câu 75:** Ý nghĩa chủ yếu của các cảng nước sâu ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

 **A.** thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế.

 **B.** góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu ngành.

 **C.** tạo việc làm, thay đổi bộ mặt vùng ven biển.

 **D.** tăng vận chuyển, tiền đề tạo khu công nghiệp.

*Chọn D vì: Cảng nước sâu có khả năng vận chuyển lớn hơn so với cảng khác từ đó tạo điều kiện hình thành các khu công nghiệp*

**Câu 76:** Khó khăn chủ yếu trong nuôi trồng thủy sản nước ngọt ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay là

 **A.** lũ lụt kéo dài, bão hoạt động mạnh, thiếu lao động có tay nghề.

 **B.** thiếu nước trong mùa khô, lũ lụt kéo dài, giống năng suất thấp.

 **C.** diện tích mặt nước giảm, hạn hán kéo dài, thiếu cơ sở chế biến.

 **D.** xâm nhập mặn vào mùa khô, thị trường biến động, dịch bệnh.

*Chọn D vì: Hiện nay ở ĐB sông Cửu Long lượng nước từ thượng lưu sông Mê Kông đổ về giảm mạnh kết hợp mùa khô kéo dài sâu sắc tạo điều kiện nước biển xâm nhập sâu vào đất liền => ảnh hưởng đến nguồn nước ngọt => nuôi trồng thuỷ sản nước ngọt*

*Ngoài ra nuôi trồng thuỷ sản còn ảnh hưởng cuả dịch bệnh và thi trường xuất khấu không ổn định*

**Câu 77:** Hướng chủ yếu trong chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng là

 **A.** phát triển các sản phẩm cao cấp, tăng cường đầu tư theo chiều sâu.

 **B.** thu hút mạnh vốn đầu tư, xây dựng thêm các khu công nghệ cao.

 **C.** tập trung đào tạo đội ngũ quản lí, quy hoạch các thành phố vệ tinh.

 **D.** khai thác hiệu quả nguồn lực, phát triển công nghiệp trọng điểm.

*Chọn D vì: theo SGK bài 33 trong vấn đề chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp ở ĐB sông Hồng vấn đề quan trọng nhất là tập trung phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm nhằm phát huy thế mạnh của vùng*

**Câu 78:** Biện pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả ngành trồng trọt ở các đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ là

 **A.** đẩy mạnh cơ giới hóa sản xuất, tăng vụ, hình thành vùng chuyên canh lúa.

 **B.** tập trung thâm canh cây công nghiệp, tăng vụ, chủ động phòng chống bão.

 **C.** tăng cường thủy lợi, bảo vệ rừng phòng hộ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

 **D.** đẩy mạnh thâm canh lúa, sử dụng giống mới, chủ động phòng chống bão.

*Chọn C vì: Bắc Trung Bộ nhiều thiên tai: khô hạn đầu hạ, đất cát pha với khả năng giữ nước kém nên việc đảm bảo nguồn nước tưới vào mùa khô cần đc giải quyết bằng biện pháp thủy lợi. Nhiều bão kết hợp địa hình dốc nên cần bảo vệ rừng đầu nguồn, địa hình vuông góc với hướng gió nên tốc độ gió mạnh, bảo vệ rừng phòng hộ ven biển chống cát bay cát chảy*

**Câu 79:** Khí hậu của Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ khác với miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ chủ yếu do tác động của

 **A.** vị trí ở nội chí tuyến, địa hình đồi núi, gió mùa Đông Bắc và gió Tây.

 **B.** hoàn lưu khí quyển, vị trí nằm gần đường chí tuyến Bắc, địa hình núi.

 **C.** địa hình có núi cao, vị trí ở khu vực gió mùa, Tín phong bán cầu Bắc.

 **D.** núi cao, gió mùa Tây Nam và dải hội tụ nhiệt đới, vị trí ở xa xích đạo.

*Chọn B vì: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ thuộc phần lãnh thổ phía Bắc và có địa hình cao nhất cả nước còn miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ thuộc phần lãnh thổ phía Nam nên sẽ chịu ảnh hưởng khác nhau về hoàn lưu khí quyển, vị trí, địa hình*

**Câu 80:** *Chọn B vì câu hỏi có từ “ quy mô và cơ cấu “ bảng số liệu 2 năm => biểu đồ tròn*